

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lương Minh Khôi (2003), *Xén tóc hại mía*, Atlas côn trùng nông nghiệp, NXB Nông nghiệp.
2. Viện Bảo vệ thực vật (1976), *Kết quả điều tra cơ bản sâu bệnh hại cây trồng (1967-1968)*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Viện Bảo vệ thực vật (2000), *Phương pháp nghiên cứu bảo vệ thực vật*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Pitaksa C. 1993. Ecological studies, crop loss assessment and potential control of sugarcane stem boring grub, *Dorysthenes buqueti* Guerin (Coleoptera: Cerambycidae). PhD thesis. Department of Entomology, Kasetsart University, Thailand. Kasetsart University Library. 126 pp.
6. Pliansinchai U, Jarnkoon V, Siengsri S, Kaenkong C, Pangma S & Weerathaworn P. 2007. Ecology and destructive behaviour of cane boring grub (*Dorysthenes buqueti* Guerin) in north eastern Thailand. Proceedings of the International Society of Sugar Cane Technologists 26, 863-867.
7. Pramono D, Rival A & Putranto DP. 2001a. *Dorysthenes* sp. (Coleoptera: Cerambycidae), a new pest of sugarcane plantations in Indonesia: biology and integrated control. Proceedings of the International Society of Sugar Cane Technologists 24(2), 398-400.

Người phản biện:
PGS. TS. Nguyễn Văn Việt

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TUYỂN CHỌN GIỐNG LÚA ĐẶC SẢN
CHO TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2009-2011**

Đoàn Nhân Ái, Trần Thị Thúy Vân,
Nguyễn Thành Luân

SUMMARY

Result of the selection of specialty upland rice varieties in Thua Thien Hue province from 2009-2011

Some traditional rice varieties grown in Thua Thien Hue cover about 500 ha in upland areas, among which Trui, Ra Du, A Dao, Loc are commonly cultivated in the sloping land, but they have given the low yields of 1.4-1.8 tons/ha. Hence, after having collected 11 upland rice varieties of specialty, we selected 2 promising varieties of Ra Du and Loc, the yields of which were the highest, especially Ra Du was of the best quality. They are the photosensible varieties which have the long growth duration of 180 days, tolerance to drought and the yield of 2.9 tons/ha /crop in a year with its time of flowering stage about early October. Direct sowing time under drilling method in April, planting rice plant in density of 36 hills/m² and applying fertilizers at the rate of 60N:80P₂O₅:80K₂O are found to be the best way for giving the highest yield and economic effectiveness. Ra Du is the promising variety in commercial rice production in the mountainous areas in Thua Thien Hue to contribute to the improvement of farmers' income and to conservation of specialty rice variety and local minority groups' culture as well.

Keywords: Ra Du, specialty, rice, variety, yield, quality, commercial, conservation.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích gieo trồng lúa khoảng 53.000 ha năm 2010, trong đó giống lúa cận chỉ khoảng 700 ha tập trung ở huyện A Lưới, chủ yếu là các giống đặc sản bản địa cảm quang như Truri, Ra Dư, Cu Da, A Lao, nếp than... nhưng năng suất rất thấp khoảng 14-18 tạ/ha. Vì thế, chúng tôi đã thực hiện dự án: “Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển lúa chất lượng cao và lúa đặc sản cho tỉnh Thừa Thiên Huế” từ năm 2009-2011, trong đó có nội dung nghiên cứu tuyển chọn giống lúa đặc sản năng suất, chất lượng cao và xây dựng qui trình thâm canh năng suất cao, nhằm góp phần đa dạng hoá bộ giống lúa theo hướng sản xuất hàng hoá phục vụ nội tiêu và có thể xuất khẩu. Từ đó tăng thu nhập từ trồng lúa, cải thiện đời sống cho người lao động, nhất là dân tộc ít người vùng đồi núi và góp phần bảo tồn giống lúa đặc sản cũng như bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Nghiên cứu so sánh giống đặc sản triển vọng:

2.1. Nghiên cứu so sánh giống vụ mùa năm 2009:

Bảng 1: Một số chỉ tiêu sinh trưởng phát triển và năng suất của các giống lúa

TT	Tên giống	Điểm thôn Lê nin - xã Hồng Bắc - A Lưới			Điểm thôn Lê Lộc - xã Hồng Bắc - A Lưới			Điểm thôn 3 - xã Hồng Quảng - A Lưới		
		TGST (ngày)	Chiều cao cây (cm)	NSTT (tạ/ha)	TGST (ngày)	Chiều cao cây (cm)	NSTT (tạ/ha)	TGST (ngày)	Chiều cao cây (cm)	NSTT (tạ/ha)
1	Ra dư	180	131,17	21,0 ^b	179	133,50	21,7 ^b	180	133,46	22,0 ^b
2	Nếp đen	170	128,93	16,3 ^a	172	126,60	15,4 ^a	170	125,36	16,6 ^a
3	Nếp hồng	170	97,70	14,9 ^a	172	98,70	15,1 ^a	170	95,99	15,3 ^a
4	Nếp than	169	129,97	15,4 ^a	170	135,97	16,0 ^a	169	140,56	15,6 ^a
5	Truri (đc)	180	137,10	15,6 ^a	180	138,10	15,3 ^a	179	134,67	15,8 ^a
	LSD (0,05)			2,4			2,6			2,9

Ghi chú: Trong cùng cột, các trị trung bình kèm theo cùng mẫu tự thì không sai khác có ý nghĩa (P<0,05).

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu nghiên cứu:

Gồm 11 giống lúa nương đặc sản. Địa điểm nghiên cứu: Xã Hồng Bắc, xã Hồng Quảng và xã Nhâm huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian nghiên cứu: năm 2009 đến 2011.

2. Phương pháp nghiên cứu:

Đánh giá giống lúa theo tiêu chuẩn ngành 10 TCN 558-2002.

- Thời vụ gieo trồng: tháng 4-Thu hoạch tháng 11 (1 vụ/năm).

- Phương pháp xử lý số liệu: theo chương trình phần mềm xử lý thống kê STATISTIX9.0 và EXCEL trên máy vi tính.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Thu thập giống:

Đã thu thập được 11 giống lúa nương đặc sản gồm: Khẩu ký, nếp Đen, nếp Hồng, nếp Lào, nếp Than, nếp Truri, lúa Lóc, Pa Co, Ra Dư, Sóng Cù và Truri

Kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy: Thời gian sinh trưởng của tất cả 5 giống thuộc nhóm lúa dài ngày. Giống nếp Than ngắn nhất 169 ngày, giống Ra Dư và Trui có thời gian sinh trưởng dài nhất từ 180 ngày, 2 giống còn lại có thời gian sinh trưởng từ 169-170 ngày. Chiều cao cây tất cả các giống đều có chiều cao cây ở mức

cao (> 125cm), chỉ có giống nếp Hồng có chiều cao cây trung bình (97,70-98,70cm). Năng suất thực thu: chỉ có duy nhất giống Ra Dư cho năng suất cao hơn đối chứng Trui có ý nghĩa (P<0,05) ở cả 3 điểm khảo nghiệm ở thôn Lê nin - xã Hồng Bắc, thôn Lê Lộc - xã Hồng Bắc - huyện A Lưới, thôn 3 - xã Hồng Quảng - huyện A Lưới.

2.2. Nghiên cứu so sánh giống vụ mùa năm 2010

Bảng 2: Một số chỉ tiêu sinh trưởng phát triển và năng suất của các giống lúa

TT	Tên giống	Điểm thôn Lê nin - xã Hồng Bắc - A Lưới			Điểm thôn Lê Lộc - xã Hồng Bắc - A Lưới			Điểm thôn 3 - xã Hồng Quảng - A Lưới		
		TGST (ngày)	Chiều cao cây (cm)	NSTT (tạ/ha)	TGST (ngày)	Chiều cao cây (cm)	NSTT (tạ/ha)	TGST (ngày)	Chiều cao cây (cm)	NSTT (tạ/ha)
1	Khẩu Kỳ	170	128,93	26,53 ^{ab}	172	126,60	26,83 ^{ab}	170	125,36	23,95 ^{bc}
2	Lúa Lóc	173	147,17	33,53 ^b	175	143,17	34,47 ^c	177	141,11	30,73 ^d
3	Nếp Lào	170	97,70	26,83 ^a	172	98,70	24,87 ^a	170	95,99	19,25 ^a
4	Nếp Trụ	169	129,97	29,73 ^{ab}	170	135,97	27,33 ^{ab}	169	140,56	23,37 ^{abc}
5	PaCo	169	135,17	29,67 ^{ab}	172	143,50	25,03 ^a	173	147,00	21,96 ^{ab}
6	Ra Dư	180	131,17	31,00 ^b	179	133,50	30,50 ^{bc}	180	133,46	31,39 ^d
7	Séng Cù	144	84,67	25,33 ^a	148	85,13	24,00 ^a	145	83,93	20,11 ^{ab}
8	Trui (ĐC)	180	137,10	24,83 ^a	180	138,10	25,13 ^a	179	134,67	26,38 ^c
	LSD(0,05)			5,04			5,14			4,54

Ghi chú: Trong cùng cột, các trị trung bình kèm theo cùng mẫu tự thì không sai khác có ý nghĩa (P<0,05).

Qua kết quả bảng 2, cho thấy: Thời gian sinh trưởng của tất cả 8 giống thuộc nhóm lúa dài ngày. Giống Séng Cù ngắn nhất từ 144-148 ngày, giống Ra Dư và Trui có thời gian sinh trưởng dài nhất 180 ngày, các giống còn lại có thời gian sinh trưởng từ 169 - 173 ngày. Chiều cao cây tất cả các giống đều có chiều cao cây cao (> 125cm), chỉ có giống nếp Lào có chiều cao cây trung bình (95,99-98,70 cm). Séng Cù có chiều cao cây thuộc nhóm bán lùn (< 90cm). Năng suất thực thu: chỉ 2 giống Ra Dư và giống lúa Lóc thể hiện năng suất

vượt trội hơn hẳn và sai khác có ý nghĩa (P<0,05) ở cả 3 điểm thí nghiệm so với đối chứng Trui.

Về phẩm chất: gạo Ra dư rất ngon, dẻo và thơm, không bị khô cứng khi cơm nguội và giá trị kinh tế rất cao, giá bán bình quân 15.000đ/kg thóc, đôi khi lên 25.000đ/kg trong dịp lễ tết, trong khi lúa Lóc chất lượng không cao, chủ yếu để sản xuất tự cung tự cấp lương thực của nông dân.

Tính chống chịu: các giống đều chịu hạn tốt, biểu hiện kháng nhiễm sâu bệnh hại chưa rõ ràng.

3. Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa đặc sản Ra Dư

3.1. Nghiên cứu liều lượng phân bón:

Bảng 3: Năng suất thực thu của các công thức phân bón năm 2011 (tạ/ha)

TT	Công thức phân bón	Điểm thôn Lê nin - xã Hồng Bắc - A Lưới	Điểm thôn Lê Lộc - xã Hồng Bắc - A Lưới	Điểm thôn 3 - xã Hồng Quảng - A Lưới
1	0N:80P ₂ O ₅ :80K ₂ O (đc)	22,97 ^a	20,57 ^a	21,77 ^a
2	60N:80P ₂ O ₅ :80K ₂ O	31,00 ^b	28,60 ^b	29,80 ^b
3	80N:80P ₂ O ₅ :80K ₂ O	31,03 ^b	28,63 ^b	29,83 ^b
4	100N:80P ₂ O ₅ :80K ₂ O	31,07 ^b	28,67 ^b	29,87 ^b
	LSD(0,05)	5,39	4,97	4,24

Ghi chú: Trong cùng cột, các trị trung bình kèm theo cùng mẫu tự thì không sai khác có ý nghĩa (P<0,05).

Kết quả ở bảng 3, cho thấy: Năng suất thực thu của 3 công thức bón phân 60N:80P₂O₅:80K₂O, 80N:80P₂O₅:80K₂O và 100N:80P₂O₅:80K₂O đều thể hiện năng suất không sai khác có ý nghĩa thống kê (P<0,05), nhưng vượt trội hơn so với đối chứng 0N:80P₂O₅:80K₂O ý nghĩa (P<0,05).

3.2. Nghiên cứu mật độ gieo:

Bảng 4: Năng suất thực thu của các công thức mật độ gieo năm 2011 (tạ/ha)

TT	Công thức mật độ gieo	Điểm thôn Lê nin - xã Hồng Bắc -A Lưới	Điểm thôn Lê Lộc - xã Hồng Bắc -A Lưới	Điểm thôn 3 - xã Hồng Quảng -A Lưới
1	36 khóm/m ²	28,44 ^a	26,04 ^a	27,24 ^a
2	42 khóm/m ²	28,68 ^a	26,28 ^a	27,48 ^a
3	49 khóm/m ² (Đc)	28,95 ^a	26,55 ^a	27,75 ^a
	LSD (0,05)	4,44	5,03	2,79

Ghi chú: Trong cùng cột, các trị trung bình kèm theo cùng mẫu tự thì không sai khác có ý nghĩa (P<0,05).

4. Xây dựng mô hình thâm canh lúa đặc sản Ra Dư

Địa điểm: xã Nhâm, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế.

Thời gian thực hiện: tháng 4-11 năm 2011

Qui mô: 1 ha, giống Ra Dư.

Bố trí so sánh cặp đôi: mô hình thâm canh Ra Dư-phân bón 60N:80P₂O₅:80K₂O và mô hình sản xuất theo nông dân không bón phân (đối chứng).

Mô hình sản xuất thâm canh lúa Ra Dư cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với mô hình sản xuất theo truyền thống không thâm canh (bảng 5).

Bảng 5: Năng suất thực thu và lợi nhuận từ mô hình

TT	Mô hình	Năng suất thực thu		Hiệu quả kinh tế	
		Năng suất (tạ/ha)	Tỷ lệ % vượt so đối chứng	Lãi thuần (triệu đồng/ha)	Tỷ lệ % vượt so đối chứng
1	Thâm canh	27,07	69,16	20,74	65,96
2	Không thâm canh (ĐC)	16,00	0	12,50	0

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

Đã tuyển chọn được 2 giống lúa đặc sản cảm quang ngày ngắn có triển vọng là Ra Dư và lúa Lóc. Giống lúa nương đặc sản Ra Dư là giống dài ngày (180 ngày), cây cao >130 cm, chịu hạn; chất lượng gạo tốt, cơm dẻo, ngon, thơm không khô cứng khi nguội. Thời vụ gieo tháng 4, mật độ 36 khóm/m² và áp dụng mức phân bón 60N:80P₂O₅:80K₂O cho năng suất cao 26-31 tạ/ha. Ra Dư có tiềm năng để sản xuất hàng hóa. Lúa Lóc cũng là giống lúa dài ngày (173-177 ngày), cây cao >140 cm, chịu hạn, năng suất cao > 30 tạ/ha, chất lượng gạo thấp, chủ yếu để sản xuất lương thực tự cung tự cấp.

2. Đề nghị

- Nhân rộng và phát triển mô hình sản xuất thâm canh lúa Ra Dư theo hướng hàng hóa ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết sản xuất nông nghiệp năm 2009- 2010 - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn-UBND Thừa Thiên Huế.
2. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ 2006-2010. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. NXBNN Hà Nội 2010.
3. Tiêu chuẩn ngành 10 TCN 558-2002. Ban hành theo Quyết định số 143/2002/BNN-KHCN ngày 6 tháng 12 năm 2002 về tiêu chuẩn ngành qui phạm khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống lúa. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Người phản biện:

TS. Phạm Xuân Liêm

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TUYỂN CHỌN VÀ PHÁT TRIỂN GIỐNG LÚA CHẤT LƯỢNG CAO CHO TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2009-2011

Đoàn Nhân Ái, Trần Thị Thúy Vân,
Lê Hữu Tiến, Phan Duy An

SUMMARY

Result of the selection and development of new aromatic rice varieties in Thua Thien Hue province from 2009- 2011.

Some aromatic rice varieties grown in Thua Thien Hue account for 16-17% of the total of rice cultivation area of 53,000 ha, among which HT1-the major variety-has not met the requirement of rice production. Therefore, after having collected 14 varieties, we selected 2 promising varieties of TL6 and HT9, the yields of which were significantly higher than those of HT1. TL6 and HT9 have the short growth duration of 125 and 110 days, the yields of which are 6.4-6.6 and 5.7-6.0 tons/ha in Spring crop and Summer-Autumn crop respectively; however they are highly susceptible to ear blast disease. Transplanting rice seedlings of 4-4.5 leaf stage at the density of 49 hills/m² and applying fertilizers at the rate of 100-120 N+90P₂O₅+90 K₂O are found to be the best way for giving the highest yield and economic effectiveness. To help improve farmers' income, TL6 and HT9 can be suitable for commercial rice production in Thua Thien Hue.

Keywords: selection, aromatic rice, economic effectiveness, commercial production.